



CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội  
Kính chúc Quý vị và gia đình  
một mùa Giáng sinh an lành, ấm áp  
và một Năm mới hạnh phúc, an khang!

MERRY  
**CHRISTMAS**

& HAPPY NEW YEAR 2024

# WEEKLY WRAP

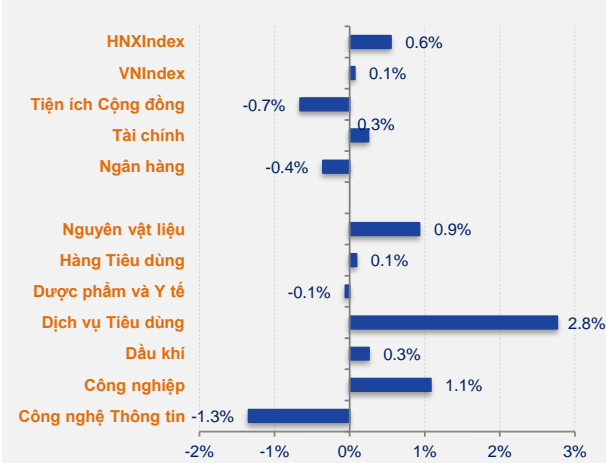
Tuần GD: 18/12/2023 - 22/12/2023

## THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

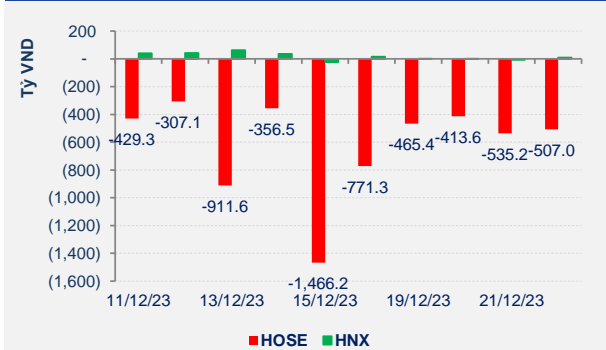
| Index Tuần                 | HOSE        | +/-    | HNX        | +/-    |
|----------------------------|-------------|--------|------------|--------|
| <b>Thống kê thị trường</b> |             |        |            |        |
| Index                      | 1,103.06 ↑  | 0.1%   | 228.27 ↑   | 0.6%   |
| KLGD (trCP)                | 2,818.02 ↓  | -17.0% | 365.67 ↓   | -17.7% |
| GTGD (tỷ VND)              | 64,247.52 ↓ | -17.1% | 6,690.48 ↓ | -23.7% |
| Tổng cung (trCP)           | 4,989.47 ↓  | -33.8% | 614.77 ↓   | -18.7% |
| Tổng cầu (trCP)            | 5,096.82 ↓  | -31.0% | 531.94 ↓   | -19.9% |

| Giao dịch NĐT nước ngoài |             |       |          |        |
|--------------------------|-------------|-------|----------|--------|
| KL mua (trCP)            | 284.18 ↑    | 9.8%  | 5.03 ↓   | -77.8% |
| KL bán (trCP)            | 392.44 ↑    | 5.7%  | 5.80 ↓   | -70.0% |
| GT mua (tỷ VND)          | 9,038.07 ↑  | 11.2% | 215.89 ↓ | -64.8% |
| GT bán (tỷ VND)          | 11,730.51 ↑ | 1.1%  | 197.55 ↓ | -57.0% |

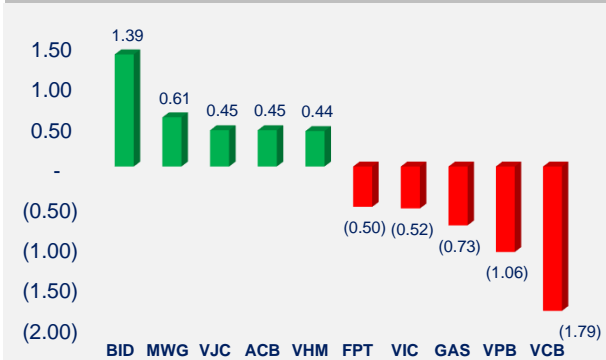
### Biến động giá Ngành theo Tuần



### Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



### Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau tuần giảm điểm trước đó, thị trường tuần qua tiếp tục có phiên giảm điểm đầu tuần, sau đó kiểm định lại vùng hỗ trợ 1.080 điểm trước khi có 4 phiên tăng điểm liên tiếp và quay trở lại trên vùng 1.100 điểm. Do mức độ tăng điểm các phiên là khá thấp nên kết thúc tuần VN-INDEX chỉ phục hồi tăng 0,07% so với tuần trước, dừng ở mức 1.103,06 điểm, HNX-INDEX có diễn biến tích cực hơn khi kết thúc tuần tại 228,27 điểm, tương ứng mức tăng 0,55% so với tuần trước.

Trong tuần thanh khoản trên cả 2 sàn niêm yết đạt 70.938 tỷ đồng, giảm mạnh 17,8% so với tuần trước, khối lượng giao dịch giảm 17,1% cho thấy dòng tiền tiếp tục suy giảm khi thị trường bước vào giai đoạn cuối năm. Trong đó thanh khoản tại HOSE đạt 64.247 tỷ đồng, giảm 17,1% và tại HNX là 6.690 tỷ đồng, giảm 23,7% so với tuần trước. Áp lực bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài sau tuần tái cơ cấu danh mục của các quỹ ETF vẫn chưa ngừng khi khối này tiếp tục bán ròng 2.674 tỷ đồng trên 2 sàn niêm yết và kéo dài chuỗi bán ròng lên tuần thứ 7 liên tiếp. Trong đó giá trị bán ròng tại sàn HOSE là 2.692 tỷ đồng, tập trung bán ròng mạnh nhóm ngân hàng, thép, dịch vụ tài chính-chứng khoán, bất động sản; mua ròng nhẹ trên HNX với giá trị 18 tỷ đồng.

Trong tuần thị trường đón nhận một số thông tin như: Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua bổ sung Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024; Ngân hàng Nhà nước cho biết tính đến ngày 13/12/2023, tín dụng tăng 9,87%, như vậy chỉ trong 13 ngày tín dụng đã tăng thêm 85.800 tỷ đồng; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu CTCK không được thực hiện các hoạt động làm cho khách hàng/nhà đầu tư hiểu rằng CTCK có chức năng nhận tiền gửi như tổ chức tín dụng. Đồng thời, CTCK không được thỏa thuận/ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại (NHTM) có nội dung gây hiểu nhầm về tài khoản chuyên dụng của nhà đầu tư đứng tên CTCK tại NHTM.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn diễn biến phân hóa và trái chiều nhau khiến cho chỉ số VN30 kết tuần không thay đổi so với tuần trước, chủ yếu do chịu áp lực bán ròng của khối ngoại, thanh khoản duy trì ở mức trung bình trong đó nhóm tăng điểm gồm BID (+2,29%), ACB (+1,98%), MBB (+1,39%), VHM (+1%), MWG (+3,93%), VRE (+1,77%)... trong khi các mã tiêu cực như FPT (-1,66%), VCB (-1,58%), VPB (-2,94%) SAB (-2,07%), VIC (-1,26%)...

Các cổ phiếu bán lẻ có tuần giao dịch tích cực nhờ sự hồi phục của cổ phiếu lớn MWG(+3,93%), bên cạnh PNJ (+5,81%) nhờ đà tăng mạnh của giá vàng và FRT (+1,69%), DGW (+1,38%). Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán mặc dù chịu áp lực bán của khối ngoại tuy nhiên một số công ty chứng khoán công bố kế hoạch phát hành tăng vốn có diễn biến tốt trong tuần như SSI (+1,73%), HCM (+2,86%) cùng với BSI (+2,43%), FTS (+3,53%), VIX (+1,21%), VCI (+1,23%)... các mã còn lại chủ yếu đứng giá so với tuần trước.

Nhóm cổ phiếu bất động sản có diễn biến đa số tích cực hơn tuần trước đó với DIG (+2,38%), PDR (+1,9%), NTL (+3,45%), HDG (+4,49%)... trong khi NVL vẫn kém tích cực khi giảm 1,78%... Các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp có diễn biến phân hóa khi ITA (-9,09%) chịu áp lực chốt lãi sau khi đã tăng khá mạnh, các mã khác chủ yếu tăng điểm nhẹ như DTD (+2,85%), KBC (+1,3%), VGC (+0,76%), IDC (+1,19%), BCM (-4,62%)...

Các cổ phiếu nông nghiệp tuần qua cũng khá ấn tượng khi nhiều mã tăng điểm khá như HAG (+3,45%), HNG (+13,26%), DBC (+3,15%).

Trên thị trường phái sinh hợp đồng VN30F2312 đã đáo hạn trong tuần vừa qua và chuyển sang hợp đồng VN30F2401, đóng cửa cuối tuần ở mức 1.097,7 điểm, chênh lệch dương 0,25 điểm so với VN30. Kỳ hạn VN30F2402 chênh lệch -0,15 điểm trong khi các kỳ hạn dài hơn VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch cao hơn -3,39 điểm cho thấy các trader vẫn vẫn chưa lạc quan với VN30.



## WEEKLY WRAP

Tuần GD: 18/12/2023 - 22/12/2023

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN INDEX 1W HSX O 1103.43 H 1104.65 L 1082.29 C 1103.06 +0.76 (+0.07%)  
 BB 20 2 1144.64 1254.62 1034.66



Trong tuần vừa qua Vn-Index điều chỉnh và kiểm định lại ngưỡng 1.080 điểm trước khi phục hồi và vẫn giữ được ngưỡng hỗ trợ 1.100 điểm. Chốt tuần VnIndex đóng cửa ở 1.103,60 điểm (+0,76 điểm, +0,07%). Thị trường trong ngắn hạn đang tiếp tục xu hướng vận động tích lũy chặt chẽ trong khu vực kênh tích lũy trung hạn 1.100 điểm - 1.150 điểm. Khả năng về nhịp tăng trở lại của VN-Index trong tuần giao dịch cuối cùng của năm 2023 để hướng tới vùng cản gần nhất quanh 1.130 điểm vẫn có thể xảy ra, tuy nhiên cũng không loại trừ kịch bản chỉ số tiếp tục diễn biến xoay quanh vùng 1.100 điểm với thanh khoản thấp.

Trong trung - dài hạn, chúng tôi duy trì dự báo khả năng cao Vn-Index sẽ tích lũy trong khu vực 1.100 điểm - 1.150 điểm. Trong trường hợp tích cực hơn thì vùng tích lũy trung hạn sẽ là 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Thị trường trong ngắn hạn đang tích lũy và nếu VN-Index duy trì giao dịch trên ngưỡng 1.100 điểm thì vẫn có kỳ vọng phục hồi kỹ thuật. Nhà đầu tư ngắn hạn trong giai đoạn hiện tại nên duy trì tỷ trọng cổ phiếu thấp trong danh mục và theo dõi thêm diễn biến thị trường. Nhà đầu tư trung hạn dài hạn vẫn có thể xem xét giải ngân dần trong các giai đoạn giảm điểm, mục tiêu nên hướng tới các cổ phiếu đầu ngành có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng trong năm tới và đang vận động trong trạng thái tích lũy.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## WEEKLY WRAP

Tuần GD: 18/12/2023 - 22/12/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

| Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Vùng mua dự kiến | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Thông số cơ bản |                    |                    | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|---------------------|
|     |                          |                  |                           |                         | P/E             | T.trưởng Doanh thu | T.trưởng Lợi nhuận |                     |
| BFC | 24.35                    | 21-22            | 26-27                     | 18                      | 10.8            | 18.5%              | 1227.6%            | Theo dõi giải ngân  |
| PET | 27.35                    | 24.5-25.5        | 31-32                     | 23                      | 37.2            | -6.6%              | -20.7%             | Theo dõi giải ngân  |
| CSV | 40.00                    | 38-39.5          | 44-46                     | 35                      | 8.7             | -29.0%             | -52.5%             | Theo dõi giải ngân  |
| DPM | 32.55                    | 31-33            | 38-39                     | 29                      | 8.1             | -17.2%             | -93.6%             | Theo dõi giải ngân  |
| KBC | 31.10                    | 30.5-31.2        | 34-35                     | 29                      | 16.4            | 21.6%              | -99.3%             | Theo dõi giải ngân  |
| PVD | 27.80                    | 26-27            | 30-31                     | 25                      | 35.6            | 11.2%              | 546.3%             | Theo dõi giải ngân  |
| HCM | 32.40                    | 30-31            | 34-35                     | 29                      | 23.9            | 8.5%               | 29.7%              | Theo dõi giải ngân  |
| VSC | 29.20                    | 27-28.6          | 33-34                     | 25                      | 28.9            | 9.8%               | -59.6%             | Theo dõi giải ngân  |
| TNH | 20.50                    | 20-21            | 26-27                     | 19                      | 10.7            | 42.7%              | 10.4%              | Theo dõi giải ngân  |

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị thế | Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Giá mua<br>(1.000đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Hiệu quả đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|----------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------|----------------------------|
| 1/11/2023      | BVS | 25.10                    | 22.3                | 28-28.5                   | 25                      | 12.6%               | Nắm giữ                    |
| 1/11/2023      | DTD | 25.30                    | 18.6                | 28-29                     | 24                      | 36.0%               | Nắm giữ                    |
| 8/11/2023      | PVT | 26.60                    | 24.45               | 30-31                     | 25.5                    | 8.8%                | Nắm giữ                    |
| 8/11/2023      | PHR | 47.50                    | 45.1                | 52-53                     | 47                      | 5.3%                | Nắm giữ                    |
| 22/11/2023     | LSS | 11.00                    | 11.4                | 15-16                     | 11                      | -3.5%               | Nắm giữ                    |
| 19/12/2023     | KBC | 31.10                    | 30.2                | 34-35                     | 29                      | 3.0%                | Nắm giữ                    |
| 20/12/2023     | PVD | 27.80                    | 27.55               | 30-31                     | 26                      | 0.9%                | Nắm giữ                    |



**TIN VĨ MÔ****Thủ tướng: Dành gói tín dụng ưu đãi 20.000 - 30.000 tỷ đồng cho ngành công nghiệp văn hóa**

Một trong những kiến nghị được các doanh nghiệp nhắc đến nhiều nhất tại Hội nghị toàn quốc về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam diễn ra sáng 22/12 là vấn đề thuế đối với các sản phẩm văn hoá. Đánh giá nguồn lực đầu tư cho công nghiệp văn hóa chưa tương xứng, còn dàn trải, việc huy động các nguồn lực ngoài nhà nước chưa đáp ứng được nhu cầu, Thủ tướng yêu cầu các cơ quan tính toán dành gói tín dụng ưu đãi, trước mắt khoảng 20.000 - 30.000 tỷ đồng cho ngành công nghiệp văn hóa. Trong đó các bộ, ngành có liên quan khẩn trương xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ nghiên cứu sản xuất các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa có tiềm năng xuất khẩu.

**Nhu cầu thép của Trung Quốc có thể tiếp tục giảm trong năm 2024**

Theo Reuters, các quan chức tại Viện Nghiên cứu và Kế hoạch Công nghiệp Luyện kim Trung Quốc (MPI) cho biết trong một cuộc họp báo rằng nhà sản xuất thép hàng đầu thế giới sẽ tiêu thụ 890 triệu tấn trong năm nay, khiến nước này thặng dư đáng kể nguồn cung. Dữ liệu chính thức vào tuần trước cho thấy Trung Quốc đã sản xuất 952 triệu tấn thép thô trong 11 tháng đầu năm 2023, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhu cầu thép của Trung Quốc vào năm 2023 sẽ giảm 3,3% so với năm 2022 và giảm thêm 1,7% vào năm 2024, do hoạt động xây dựng vẫn trầm lắng.

**Thu ngân sách vượt kế hoạch**

Ngành thuế ước tính hết năm nay sẽ thu 1,45 triệu tỷ đồng, vượt 5,5% dự toán. Tuy nhiên, tổng thu ngân sách 2023 giảm 4,6% so với 2022. Lý giải thu ngân sách thuế vượt dự toán, ngành thuế cho rằng năm 2023, tình hình kinh tế - chính trị thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, trong nước, nhiều lĩnh vực gặp khó khăn... để không ảnh hưởng tới thu ngân sách, cơ quan này đưa ra nhiều giải pháp. Cụ thể là tăng cường quản lý thu, chống thất thu, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rà soát quy trình, chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi nợ đọng thuế, kiểm soát chặt chẽ tình hình kê khai, nộp thuế, hoàn thuế...

**Giá vàng miếng vọt lên 77 triệu đồng**

Mỗi lượng vàng miếng tăng nhanh 1,5 triệu đồng trong sáng nay, xác lập kỷ lục mới 77,2 triệu đồng và nới rộng chênh lệch với thế giới. Đầu sáng 22/12, biểu giá vàng miếng SJC tại các thương hiệu kinh doanh vàng liên tục điều chỉnh. Đến 10h30, vàng miếng SJC tăng thêm 400.000 đồng mỗi lượng, chính thức vượt mốc 77 triệu đồng. Tại SJC và DOJI, giá mua bán vàng miếng lên 76,2 - 77,2 triệu đồng một lượng. Như vậy từ đầu tuần tới nay, mỗi lượng vàng miếng tăng gần 3 triệu đồng, tương đương mức tăng hơn 3,9%. Còn so với đầu năm nay, vàng miếng SJC đã tăng hơn 10 triệu đồng một lượng, tương đương mức tăng 15%- gấp đôi so với lãi suất tiết kiệm ngân hàng.

**TIN DOANH NGHIỆP**

**Viettel Post (VTP) được chấp thuận niêm yết gần 122 triệu cổ phiếu trên HOSE**

Ngày 21/12/2023, Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE) đã ban hành Quyết định số 819/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận niêm yết gần 122 triệu cổ phiếu Tổng công ty cổ phần Bưu chính Viettel (Viettel Post, mã chứng khoán VTP). Dự kiến, thời gian chính thức giao dịch của cổ phiếu VTP trên HOSE sẽ diễn ra trong tháng 2 - 3/2024. Viettel Post có vốn điều lệ gần 1.218 tỷ đồng, là thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel). Ban Lãnh đạo Viettel Post đặt mục tiêu trong 5 năm tới, doanh số tăng gấp 10 lần so với năm 2023, tương đương với mức tăng trưởng 60-65% mỗi năm cho cả hoạt động cốt lõi và lĩnh vực mới.

**Sacombank (STB) ước đạt 9.500 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế năm 2023**

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sacombank (mã chứng khoán STB: HOSE) cho biết, lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2023 của Ngân hàng ước đạt hơn 9.500 tỷ đồng, tăng 50% so năm trước và đạt 100% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao. Theo Sacombank, trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu giảm tốc, sự ổn định và bền vững trở thành mục tiêu hướng tới của nhiều doanh nghiệp. Hòa chung xu thế thị trường, Ngân hàng đã dành nhiều nguồn lực để đẩy mạnh những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và không ngừng cải tiến sản phẩm – dịch vụ nhằm đa dạng hóa nguồn thu. Nhờ đó, tính đến cuối năm 2023, tổng tài sản ước đạt gần 664.000 tỷ đồng, trong đó tài sản có sinh lời chiếm 90,3%.

**SSI sắp tăng vốn lên hơn 19.600 tỷ đồng**

Cổ đông SSI thông qua phương án phát hành tổng cộng 453 triệu cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 15.111 tỷ đồng lên gần 19.645 tỷ đồng - tiếp tục là CTCK có vốn lớn nhất trên TTCK Việt Nam. Cụ thể, cổ đông SSI thông qua phương án phát hành hơn 302,2 triệu cổ phiếu thưởng để tăng vốn, theo tỷ lệ 100:20 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 20 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu này không bị hạn chế chuyển nhượng. Nguồn vốn phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác (nếu có) theo BCTC kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty.

**Vinh Hoàn (VHC) sắp trả cổ tức còn lại năm 2022 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%**

CTCP Vinh Hoàn (mã VHC - sàn HOSE) thông qua kế hoạch trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% còn lại sau khi đã trả 20% bằng tiền cho năm tài chính 2022. Ngày 5/1/2024, Công ty Vinh Hoàn sẽ chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận thêm 20 cổ phiếu mới. Được biết, tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023, Công ty Vinh Hoàn đã thông qua kế hoạch trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 20% bằng tiền và 20% bằng cổ phiếu (cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến thực hiện trong tháng 8 đến tháng 9/2023).



## HOSE

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng  |
|----|-------|-------------|-------|--------------|
| 1  | MWG   | 4,654,436   | EIB   | (14,655,492) |
| 2  | HAG   | 1,729,500   | HPG   | (13,042,543) |
| 3  | VRE   | 1,151,053   | STB   | (8,391,400)  |
| 4  | HDG   | 1,132,017   | VND   | (8,003,677)  |
| 5  | FTS   | 924,489     | VPB   | (7,478,634)  |

## HNX

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | IDC   | 1,492,200   | CEO   | (856,451)   |
| 2  | TNG   | 282,416     | SHS   | (850,696)   |
| 3  | NRC   | 228,183     | PVS   | (590,200)   |
| 4  | PVI   | 54,600      | TIG   | (119,400)   |
| 5  | MBS   | 32,160      | BVS   | (100,900)   |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD        |
|-----|------------|----------|----------|-------------|
| HAG | 13.05      | 13.50    | ↑ 3.45%  | 126,290,300 |
| EIB | 18.25      | 18.30    | ↑ 0.27%  | 109,869,059 |
| HDB | 19.00      | 18.95    | ↓ -0.26% | 105,655,500 |
| HPG | 26.80      | 27.05    | ↑ 0.93%  | 87,522,100  |
| VPB | 18.70      | 18.15    | ↓ -2.94% | 85,806,500  |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHS | 18.50      | 18.50    | ⇒ 0.00%  | 93,266,900 |
| CEO | 22.80      | 22.70    | ↓ -0.44% | 36,793,931 |
| HUT | 19.50      | 19.40    | ↓ -0.51% | 32,450,865 |
| TIG | 12.90      | 11.90    | ↓ -7.75% | 16,781,936 |
| MBS | 22.60      | 22.60    | ⇒ 0.00%  | 16,702,421 |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %        |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| SFC | 20.05      | 24.30    | 4.3 | ↑ 21.20% |
| HSL | 9.57       | 11.00    | 1.4 | ↑ 14.94% |
| HNG | 3.62       | 4.10     | 0.5 | ↑ 13.26% |
| FDC | 17.00      | 19.25    | 2.3 | ↑ 13.24% |
| DRC | 23.80      | 26.90    | 3.1 | ↑ 13.03% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %        |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| HTP | 13.00      | 17.20    | 4.2 | ↑ 32.31% |
| PGT | 3.10       | 3.90     | 0.8 | ↑ 25.81% |
| HMH | 11.30      | 13.90    | 2.6 | ↑ 23.01% |
| KMT | 8.20       | 9.90     | 1.7 | ↑ 20.73% |
| TTL | 7.40       | 8.80     | 1.4 | ↑ 18.92% |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

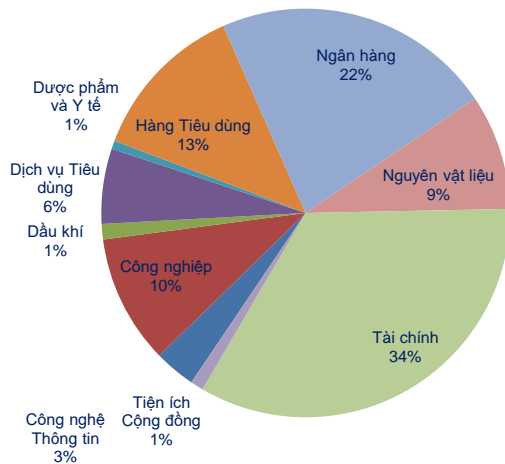
| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %         |
|-----|------------|----------|------|-----------|
| TTE | 11.00      | 9.54     | -1.5 | ↓ -13.27% |
| PIT | 6.55       | 5.75     | -0.8 | ↓ -12.21% |
| HAS | 7.25       | 6.56     | -0.7 | ↓ -9.52%  |
| ITA | 7.15       | 6.50     | -0.7 | ↓ -9.09%  |
| L10 | 20.45      | 18.60    | -1.9 | ↓ -9.05%  |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %         |
|-----|------------|----------|------|-----------|
| BED | 23.10      | 14.80    | -8.3 | ↓ -35.93% |
| VE8 | 5.50       | 4.60     | -0.9 | ↓ -16.36% |
| NAP | 12.00      | 10.30    | -1.7 | ↓ -14.17% |
| VNT | 45.10      | 39.10    | -6.0 | ↓ -13.30% |
| VCC | 14.00      | 12.30    | -1.7 | ↓ -12.14% |

(\*) Giá điều chỉnh



## Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



## Chuỗi PE ngành và thị trường



## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD        | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-------------|-------|-------|------|-----|
| HAG | 126,290,300 | 18.6% | 1,070 | 12.5 | 2.4 |
| EIB | 109,869,059 | 8.3%  | 1,013 | 18.1 | 1.5 |
| HDB | 105,655,500 | 20.7% | 2,926 | 6.4  | 1.3 |
| HPG | 87,522,100  | 1.9%  | 322   | 84.5 | 1.6 |
| VPB | 85,806,500  | 9.7%  | 1,486 | 12.3 | 1.0 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| SHS | 93,266,900 | 5.4%  | 643   | 29.2  | 1.5 |
| CEO | 36,793,931 | 6.7%  | 955   | 23.7  | 1.8 |
| HUT | 32,450,865 | 0.8%  | 122   | 159.4 | 1.5 |
| TIG | 16,781,936 | 11.1% | 1,470 | 8.2   | 0.9 |
| MBS | 16,702,421 | 10.4% | 1,104 | 20.7  | 2.1 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%    | ROE     | EPS    | P/E  | P/B |
|-----|---------|---------|--------|------|-----|
| SFC | ↑ 21.2% | 17.2%   | 2,712  | 8.4  | 1.4 |
| HSL | ↑ 14.9% | 2.5%    | 309    | 37.2 | 0.9 |
| HNG | ↑ 13.3% | -111.2% | -2,922 | -    | 1.6 |
| FDC | ↑ 13.2% | -44.5%  | -5,135 | -    | 1.6 |
| DRC | ↑ 13.0% | 12.7%   | 1,969  | 13.1 | 1.7 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE    | EPS  | P/E   | P/B |
|-----|---------|--------|------|-------|-----|
| HTP | ↑ 32.3% | 0.1%   | 29   | 559.6 | 0.6 |
| PGT | ↑ 25.8% | -14.2% | -416 | -     | 1.1 |
| HMH | ↑ 23.0% | 3.7%   | 575  | 23.8  | 0.9 |
| KMT | ↑ 20.7% | 4.2%   | 567  | 17.5  | 0.7 |
| TTL | ↑ 18.9% | 2.1%   | 307  | 26.3  | 0.5 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| MWG | 4,654,436 | 3.0%  | 476   | 89.6 | 2.7 |
| HAG | 1,729,500 | 18.6% | 1,070 | 12.5 | 2.4 |
| VRE | 1,151,053 | 11.8% | 1,818 | 12.6 | 1.4 |
| HDG | 1,132,017 | 9.7%  | 2,194 | 13.1 | 1.3 |
| FTS | 924,489   | 14.4% | 2,301 | 19.0 | 2.6 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|-------|-----|
| IDC | 1,492,200 | 17.0% | 3,177 | 16.0  | 3.0 |
| TNG | 282,416   | 13.4% | 1,776 | 11.2  | 1.3 |
| NRC | 228,183   | -5.9% | -788  | -     | 0.3 |
| PVI | 54,600    | 0.6%  | 205   | 220.3 | 1.3 |
| MBS | 32,160    | 10.4% | 1,104 | 20.7  | 2.1 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 452,157 | 22.6% | 6,013 | 13.5 | 2.8 |
| BID | 238,278 | 17.6% | 3,450 | 12.1 | 2.0 |
| VHM | 175,046 | 25.0% | 9,468 | 4.2  | 1.0 |
| GAS | 171,566 | 19.0% | 5,283 | 14.1 | 2.7 |
| VIC | 164,762 | 2.7%  | 977   | 44.2 | 1.1 |

## Top Vốn hóa HNX

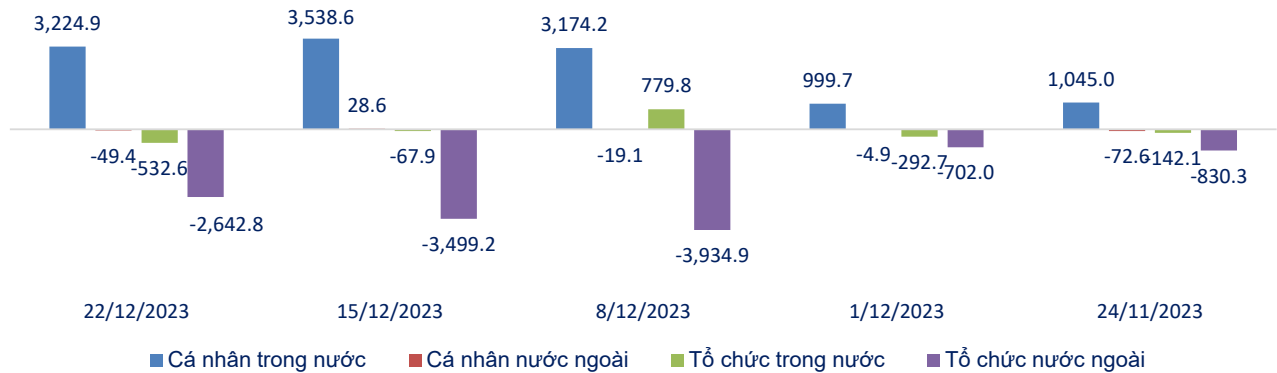
| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| PVS | 18,258  | 6.7%  | 1,846 | 20.7  | 1.4 |
| HUT | 17,315  | 0.8%  | 122   | 159.4 | 1.5 |
| IDC | 16,764  | 17.0% | 3,177 | 16.0  | 3.0 |
| SHS | 15,287  | 5.4%  | 643   | 29.2  | 1.5 |
| THD | 13,436  | 2.9%  | 460   | 75.9  | 2.2 |





## GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| STB | 356.39  | 17.5% | 3,825 | 7.0   | 1.1 |
| VPB | 268.22  | 9.7%  | 1,486 | 12.3  | 1.0 |
| MSN | 266.35  | 2.2%  | 572   | 111.3 | 2.4 |
| VCB | 238.53  | 22.6% | 6,013 | 13.5  | 2.8 |
| HPG | 229.37  | 1.9%  | 322   | 84.5  | 1.6 |

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MWG | -100.53 | 3.0%  | 476   | 89.6 | 2.7 |
| ACB | -75.24  | 23.8% | 3,839 | 6.1  | 1.4 |
| EIB | -58.49  | 8.3%  | 1,013 | 18.1 | 1.5 |
| NKG | -57.59  | -4.8% | (975) | -    | 1.2 |
| PVT | -43.82  | 11.4% | 2,926 | 9.1  | 1.0 |

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE  | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|------|-------|------|-----|
| MWG | 7.41    | 3.0% | 476   | 89.6 | 2.7 |
| CDC | 5.01    | 4.0% | 585   | 34.2 | 1.4 |
| GEX | 4.04    | 2.0% | 511   | 44.2 | 0.9 |
| VND | 3.44    | 7.8% | 957   | 22.7 | 1.7 |
| NLG | 2.91    | 4.8% | 1,643 | 22.3 | 1.1 |

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MSB | -24.21  | 17.2% | 2,471 | 5.1  | 0.8 |
| MBB | -23.34  | 22.4% | 4,290 | 4.2  | 1.0 |
| VIX | -10.20  | 8.2%  | 1,005 | 16.8 | 1.3 |
| STB | -9.38   | 17.5% | 3,825 | 7.0  | 1.1 |
| VPB | -7.55   | 9.7%  | 1,486 | 12.3 | 1.0 |

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã       | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|----------|---------|-------|-------|------|-----|
| EIB      | 334.73  | 8.3%  | 1,013 | 18.1 | 1.5 |
| FUEVFVND | 199.74  | N/A   | N/A   | N/A  | N/A |
| HPG      | 124.57  | 1.9%  | 322   | 84.5 | 1.6 |
| CTG      | 91.98   | 15.7% | 3,377 | 7.9  | 1.2 |
| ACB      | 75.24   | 23.8% | 3,839 | 6.1  | 1.4 |

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE    | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|---------|--------|---------|-------|-----|
| VJC | -227.58 | -14.0% | (3,851) | -     | 3.7 |
| MSN | -185.52 | 2.2%   | 572     | 111.3 | 2.4 |
| STB | -134.02 | 17.5%  | 3,825   | 7.0   | 1.1 |
| VPB | -132.70 | 9.7%   | 1,486   | 12.3  | 1.0 |
| VCB | -100.31 | 22.6%  | 6,013   | 13.5  | 2.8 |

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

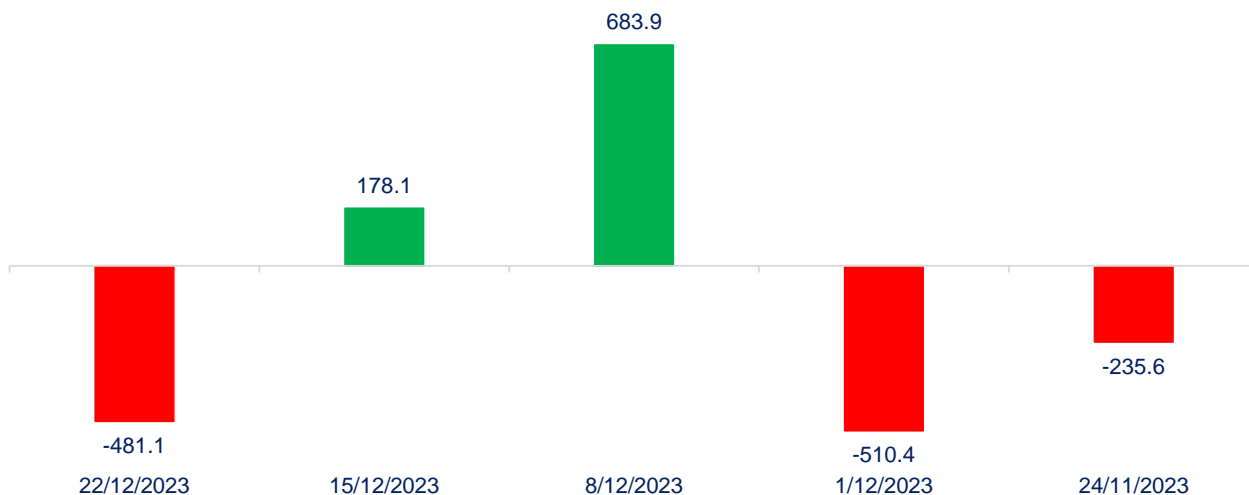
| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MWG | 187.97  | 3.0%  | 476   | 89.6 | 2.7 |
| FTS | 40.70   | 14.4% | 2,301 | 19.0 | 2.6 |
| HDG | 32.35   | 9.7%  | 2,194 | 13.1 | 1.3 |
| VRE | 25.82   | 11.8% | 1,818 | 12.6 | 1.4 |
| NLG | 23.91   | 4.8%  | 1,643 | 22.3 | 1.1 |

## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

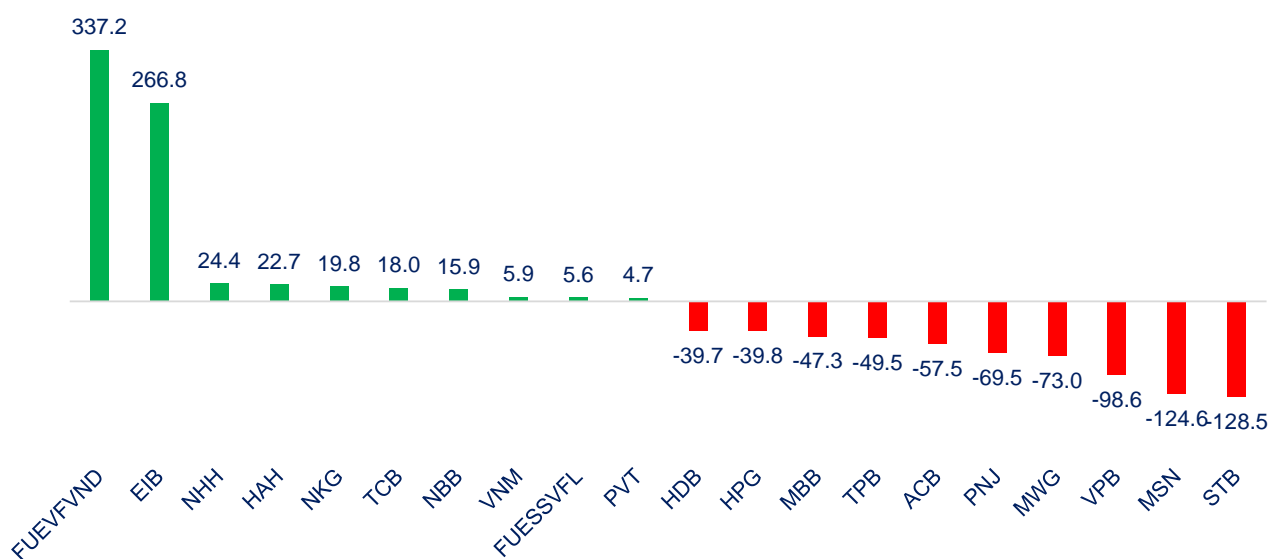
| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| HPG | -355.59 | 1.9%  | 322   | 84.5 | 1.6 |
| EIB | -276.62 | 8.3%  | 1,013 | 18.1 | 1.5 |
| VNM | -227.89 | 24.4% | 4,029 | 16.8 | 4.2 |
| STB | -212.98 | 17.5% | 3,825 | 7.0  | 1.1 |
| SSI | -184.53 | 8.9%  | 1,346 | 23.9 | 2.1 |



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

| Ngày thông báo | Ngày thực hiện | Ngày ĐKCC  | Ngày GDKHQ | Mã CK      | Loại sự kiện                    |
|----------------|----------------|------------|------------|------------|---------------------------------|
| 18/10/2023     | 22/12/2023     | 22/11/2023 | 21/11/2023 | <b>SZB</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 3/11/2023      | 22/12/2023     | 27/11/2023 | 24/11/2023 | <b>DHC</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 8/11/2023      | 22/12/2023     | 21/11/2023 | 20/11/2023 | <b>DXL</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 16/11/2023     | 22/12/2023     | 22/11/2023 | 21/11/2023 | <b>NCT</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 15/11/2023     | 22/12/2023     | 24/11/2023 | 23/11/2023 | <b>NCS</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 24/11/2023     | 22/12/2023     | 6/12/2023  | 5/12/2023  | <b>MSH</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 30/11/2023     | 22/12/2023     | 8/12/2023  | 7/12/2023  | <b>PMC</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 5/12/2023      | 22/12/2023     | 8/12/2023  | 7/12/2023  | <b>QTP</b> | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản |
| 28/11/2023     | 22/12/2023     | 8/12/2023  | 7/12/2023  | <b>VMS</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 5/12/2023      | 22/12/2023     | 12/12/2023 | 11/12/2023 | <b>TV2</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 4/12/2023      | 22/12/2023     | 13/12/2023 | 12/12/2023 | <b>MPC</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 13/12/2023     | 22/12/2023     | 22/12/2023 | 22/12/2023 | <b>TKC</b> | Tạm dừng Niêm yết               |
| 18/12/2023     | 22/12/2023     | 25/12/2023 | 22/12/2023 | <b>CAR</b> | Phát hành cổ phiếu              |
| 18/12/2023     | 22/12/2023     | 25/12/2023 | 22/12/2023 | <b>CAR</b> | Phát hành cổ phiếu              |
| 15/11/2023     | 23/12/2023     | 30/11/2023 | 29/11/2023 | <b>CAB</b> | Đại hội Cổ đông Bất thường      |
| 23/8/2023      | 25/12/2023     | 11/9/2023  | 8/9/2023   | <b>PHR</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 4/10/2023      | 25/12/2023     | 31/10/2023 | 30/10/2023 | <b>ANV</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 6/11/2023      | 25/12/2023     | 20/11/2023 | 17/11/2023 | <b>MCM</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 16/11/2023     | 25/12/2023     | 28/11/2023 | 27/11/2023 | <b>PDB</b> | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản |
| 8/11/2023      | 25/12/2023     | 30/11/2023 | 29/11/2023 | <b>MPY</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 8/11/2023      | 25/12/2023     | 23/11/2023 | 22/11/2023 | <b>MFS</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 24/11/2023     | 25/12/2023     | 4/12/2023  | 1/12/2023  | <b>IDV</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 1/12/2023      | 25/12/2023     | 12/12/2023 | 11/12/2023 | <b>PMJ</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 7/12/2023      | 25/12/2023     | 18/12/2023 | 15/12/2023 | <b>HND</b> | Đại hội Cổ đông Bất thường      |
| 30/11/2023     | 25/12/2023     | 8/12/2023  | 7/12/2023  | <b>SIP</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 24/11/2023     | 25/12/2023     | 6/12/2023  | 5/12/2023  | <b>KTW</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 5/12/2023      | 25/12/2023     | 15/12/2023 | 14/12/2023 | <b>VMD</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 11/12/2023     | 25/12/2023     | 21/12/2023 | 20/12/2023 | <b>VCM</b> | Đại hội Cổ đông Bất thường      |
| 8/11/2023      | 26/12/2023     | 4/12/2023  | 1/12/2023  | <b>KTC</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt        |
| 15/11/2023     | 26/12/2023     | 27/11/2023 | 24/11/2023 | <b>TMP</b> | Đại hội Cổ đông Bất thường      |



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---